

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T.S
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2021/HS-ST

Ngày 15/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mạnh Hải, ông Đỗ Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tá T2 - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 174/2021/TLST-HS ngày 18/5/2021 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2021/QĐXXST-HS ngày 02/7/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố 1 C.G, phường Đ.N, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tr sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị Ng sinh năm 1952; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 27/01/2017 T bị TAND tỉnh Bắc Ninh ra Q định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Ngày 20/4/2018, T được tạm đình chỉ chấp hành vì lý do sức khỏe. Đến ngày 07/8/2018 T được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Văn Q, sinh năm 1998; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố H, phường Đ.B, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn D sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị N sinh năm 1977; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hữu S, sinh năm 1996; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố T.H, phường Đ.B, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T1 sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1973; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Bản án số 36/2015/HSST ngày 23/12/2015 của TAND thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xử phạt S 24 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 16/9/2017 chấp hành xong toàn bộ Bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2021 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 13 giờ 10 phút ngày 23/01/2021 tại khu phố Th, phường Đ.B, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, Nguyễn Hữu S và Ngô Văn Q đã bị bắt quả tang về hành vi bán trái phép 02 gói ma túy với giá 400.000 đồng cho Trần Văn T2. Thu giữ của T2 02 túi nilon màu trắng, trong đó 01 túi chứa chất tinh thể màu trắng và 01 túi chứa 01 viên nén hình tròn màu hồng (được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M1); 01 mẫu giấy màu trắng có dòng kẻ caro màu xanh ghi: “23/1/2021 SXMB: KG13133985 DV18743261 AQ17129282”. Thu giữ của S 400.000 đồng; 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M2) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi đã qua sử dụng lắp sim số 0852.381.102. Về nguồn gốc số ma túy trên, S khai trước đó đã mua được của 01 người đàn ông tên T ở khu phố 6 C.G, phường Đ.N, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Thu giữ của Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu tím đã qua sử dụng lắp 02 sim số 0961.076.668 và 0397.917.757 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 99B1 – 407.76, số khung 2510KY004414, số máy KF26E0085629. Kha Văn Tr1 tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đã qua sử dụng lắp sim số 0382.040.013.

Quá trình điều tra xác định, ngôi nhà S khai mua ma túy là của Nguyễn Văn T. Hồi 15 giờ 30 phút cùng ngày, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thị xã T.S đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của T. Trước khi khám xét, T tự nguyện giao nộp: 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 04 viên nén hình tròn màu xanh (được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K1); 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 04 viên nén hình tròn màu hồng và 01 viên nén hình tròn màu xanh (được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K1); 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K1); 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K2); 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa 01 viên nén hình tròn màu xanh (được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K3); 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa 194 viên nén hình tròn màu hồng và 02 viên nén hình tròn màu xanh (được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K3); 01 túi nilon màu hồng bên trong chứa 29 viên nén hình tròn màu hồng và 01 viên nén hình tròn màu xanh (được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K3); 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 03 túi nilon màu trắng đều chứa chất tinh thể màu trắng lần lượt ký hiệu số 1, 2, 3 (được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K3);

Tại bản Kết luận giám định số 187/KLGĐMT-PC09 ngày 25/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: “Chất tinh thể màu trắng bên trong phong bì thư ký hiệu M1 có khối lượng là 0,0151 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine. 01 viên nén hình tròn màu hồng bên trong phong bì thư ký hiệu M1 có khối lượng là 0,0412 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine. Chất tinh thể màu trắng bên trong phong bì thư ký hiệu M2 có khối lượng là 0,3547 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine.”. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,411 gam Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số 188/KLGĐMT-PC09 ngày 25/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: “04 viên nén hình tròn màu hồng và 01 viên nén hình tròn màu xanh bên trong phong bì thư ký hiệu K1 có khối lượng là 0,4212 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine. Chất tinh thể màu trắng bên trong phong bì thư ký hiệu K1 có khối lượng là 1,6302 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine. 04 viên nén hình tròn màu xanh bên trong phong bì thư ký hiệu K1 có khối lượng là 1,1233 gam; Là ma túy; Loại ma túy: MDMA. Chất tinh thể màu trắng bên trong phong bì thư ký hiệu K2 có khối lượng là 0,2871 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Ketamine. Các viên nén hình tròn màu hồng và màu xanh bên trong phong bì thư ký hiệu K3 có khối lượng là 23,1507 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine. Chất tinh thể màu trắng

bên trong 01 túi nilon màu trắng (ký hiệu số 1) được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K3 có khối lượng là 4,7811 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine. Chất tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon màu trắng (ký hiệu số 2) được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K3 có khối lượng là 5,3681 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Ketamine. Chất tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon màu trắng (ký hiệu số 3) được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu K3 có khối lượng là 4,9160 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine”. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 34,8992 gam Methamphetamine; 1,1233 gam MDMA và 5,6552 gam Ketamine.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 108/CT-VKSTS ngày 18/05/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã Q định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã T.S để xét xử bị cáo Ngô Văn Q, Nguyễn Hữu S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo S, Q khai nhận: Hồi 12 giờ 34 phút ngày 23/01/2021 tại khu phố Th1, phường Đ.B, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, T2 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lắp sim số 0382.040.013 mượn của anh Tr1 gọi đến số điện thoại 0397.917.757 của Q hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá và 100.000 đồng ma túy ngửa. Khi mượn điện thoại của anh Tr1, T2 chỉ nói mượn có việc, không nói để hỏi mua ma túy. Khi T2 gọi Q hỏi mua ma túy, anh Tr1 không có mặt ở đó. Q đồng ý và hẹn giao dịch tại cổng đền Đô thuộc khu phố Th1, phường Đ.B, thị xã T.S. Sau đó, Q sử dụng điện thoại nhãn hiệu Vsmart màu tím lắp sim số 0961.076.668 gọi vào số điện thoại 0852.381.102 của S rủ đi bán ma túy, S đồng ý. Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS: 99B1 – 407.76 đi đến nhà đón S rồi cùng đi đến trước cổng đền Đ. Trên đường đi, Q đưa cho S 03 túi nilon màu trắng, trong đó 02 túi chứa chất tinh thể màu trắng và 01 túi chứa 01 viên nén hình tròn màu hồng và dặn bán 01 túi chứa chất tinh thể màu trắng và 01 túi chứa 01 viên nén hình tròn màu hồng với giá 400.000 đồng. Khi đến nơi, Q và S gặp T2 và anh Kha Văn Tr1. T2 đưa cho S 400.000 đồng, S cầm tiền và đưa cho T2 02 túi ma túy như Q dặn, T2 vừa cầm ma túy S đưa thì có lực lượng công an đến kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Về nguồn gốc số ma túy bán cho T2, S và Q khai nhận: Đêm ngày 22/01/2021 tại nhà anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1996 ở khu phố T.C, phường Đ.B, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, Q đưa cho S 700.000 đồng và bảo đi mua ma túy về cùng bán kiếm lời, S đồng ý. Cả hai thỏa thuận tiền lời sẽ chia đôi. Sau đó, S sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi lắp sim số 0852.381.102 gọi

vào số điện thoại 0977.046.371 thấy giọng một người đàn ông. S hỏi mua của người này 700.000 đồng ma túy đá và ngửa, người này đồng ý. Theo chỉ dẫn của người này, S thuê xe ôm đi đến một ngôi nhà tại khu phố 6 C.G, phường Đ.N, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. S không quen biết T và chưa gặp T bao giờ nên không biết T là ai, hôm nay là lần đầu gặp tại phiên tòa. Đến nơi, S gọi vào số điện thoại trên và nói: “Em ở trước cửa rồi.” thì người này không nói gì rồi tắt máy. S nhét 700.000 đồng qua khe cửa vào trong nhà, trong nhà có người cầm tiền và đưa lại cho S 03 túi nilon màu trắng, trong đó 02 túi chứa chất tinh thể màu trắng và 01 túi chứa 01 viên nén hình tròn màu hồng. Sau khi mua được số ma túy trên, S mang về đưa cho Q.

Bị cáo T khẳng định đang sống một mình, ngày 22/01/2021 T không quen biết S, không bán ma túy cho S hay bất kỳ ai. Trước đó, T có sử dụng số điện thoại lắp sim có đuôi 371 nhưng ngày 19/01/2021 T đã đánh mất chiếc điện thoại trên. Về nguồn gốc số ma túy thu giữ của T, T khai bản thân T bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2019 đến nay, thường sử dụng ma túy Methamphetamine, Ketamine và MDMA. Khoảng tháng 7/2020 tại bến xe thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã mua được của 01 người đàn ông tên T2 tại Bắc Giang với giá 14.000.000 đồng với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S vẫn giữ nguyên Q định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tuyên bố bị cáo Ngô Văn Q, Nguyễn Hữu S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 10 năm 06 tháng đến 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/01/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Ngô Văn Q từ 25 đến 27 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S từ 27 đến 29 tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/01/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố

tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định; 03 sim điện thoại số 0852.381.102, 0961.076.668 và 0397.917.757.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu tím.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đã qua sử dụng lắp sim số 0382.040.013 của Kha Văn Tr1, khi cho T2 mượn Tr1 không biết T2 liên lạc để mua ma túy nên cơ quan điều tra đã trả lại cho Tr1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 99B1 – 407.76, số khung 2510KY004414, số máy KF26E0085629 là của ông Ngô Văn D, bố của bị cáo Q. Q tự ý lấy xe, không hỏi ý kiến ông D và ông D không biết việc Q sử dụng xe đi bán ma túy, cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào hồi 13 giờ 10 phút ngày 23/01/2021 tại khu phố Th1, phường Đ.B, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh, Ngô Văn Q và Nguyễn Hữu S đã bị bắt quả tang về hành vi bán trái phép 0,0563 gam ma túy Methamphetamine cho Trần Văn T2 với giá 400.000 đồng mục đích để kiếm lời. Ngoài ra, S và Q còn tàng trữ 0,3547 gam ma túy Methamphetamine cũng để bán kiếm lời. Tổng số ma túy Q và S bán và tàng trữ để bán là 0,411 gam Methamphetamine. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Hữu S, Ngô Văn Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã truy tố.

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 23/01/2021, tại nhà của Nguyễn Văn T ở khu phố 6 C.G, phường Đ.N, thị xã T.S, Nguyễn Văn T đã bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ tổng số 34,8992 gam Methamphetamine; 1,1233 gam MDMA và 5,6552 gam Ketamine mục đích để sử dụng cho bản thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã truy tố

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, ảnh hưởng tới sức khỏe con người và là cầu nối của đại dịch HIV. Đồng thời là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm nguy hiểm khác như giết người, cướp tài sản. Nên cần phải xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Q là người có nhân thân tốt. Bị cáo T đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, còn bị cáo S đã bị xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q có ông nội được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới giúp các bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo T tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân không có mục đích lợi nhuận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo Q và S mua bán ma túy với mục đích lợi nhuận đáng lẽ phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo, tuy nhiên cả hai bị cáo có điều kiện ,hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Mẫu vật còn lại sau giám định là chất cấm lưu hành; 03 sim điện thoại số 0852.381.102, 0961.076.668 và 0397.917.757 không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

Số tiền 400.000 đồng mua bán ma túy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu tím là phương tiện các bị cáo liên lạc để mua bán ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đã qua sử dụng lắp sim số 0382.040.013 của Kha Văn Tr1, khi cho T2 mượn Tr1 không biết T2 liên lạc để

mua ma túy nên cơ quan điều tra đã trả lại cho Tr1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 99B1 – 407.76, số khung 2510KY004414, số máy KF26E0085629 là của ông Ngô Văn D, bố của bị cáo Q. Q tự ý lấy xe, không hỏi ý kiến ông D và ông D không biết việc Q sử dụng xe đi bán ma túy, cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án này còn có Trần Văn T2 đã mua ma túy của Q và S, sau khi lực lượng Công an đưa về trụ sở làm việc, lợi dụng sơ hở của cán bộ trông giữ đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại phường T.H, thị xã T.S nhưng không có đối tượng nào như T2 khai. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với người bạn đã cho S số điện thoại 0977.046.371 để hỏi mua ma túy, S khai không nhớ người này là ai nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với người lái xe ôm đã chở S đi mua ma túy đêm ngày 22/01/2021, S khai không biết là ai, không nhớ BKS xe, khi đi S không nói cho người này biết là đi mua ma túy. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn L1, S và Q khai nhận đêm ngày 22/01/2021 tại nhà anh, Q đã đưa cho S 700.000 đồng và bảo S đi mua ma túy. Quá trình điều tra xác định, việc Q đưa tiền cho S bảo đi mua ma túy anh L1 không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh L1 là phù hợp.

Đối với anh Kha Văn Tr1 là người đi cùng T2. Anh Tr1 khai anh và T2 là bạn mới quen, khi đi cùng T2, anh không biết việc T2 đi mua ma túy, chỉ đến khi T2 mua ma túy và bị bắt quả tang anh mới biết. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Tr1 là phù hợp.

Đối với người đã bán ma túy cho S đêm ngày 22/01/2021, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ để xác định cụ thể là ai nên Cơ quan điều tra tiếp tục tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với người đàn ông tên T2 ở Bắc Giang đã bán ma túy cho T tháng 7/2020 tại bến xe thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. T khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn Q, Nguyễn Hữu S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ vào điểm h khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/01/2021.

Q định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Q 25 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/01/2021.

Q định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/01/2021.

Q định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

5. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Q 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tịch thu và tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định; 03 sim điện thoại số 0852.381.102, 0961.076.668 và 0397.917.757.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu ghi; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu tím.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2021).

Bị cáo T, S, Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã T.S;
- Công an thị xã T.S;
- Chi cục THADS thị xã T.S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh

